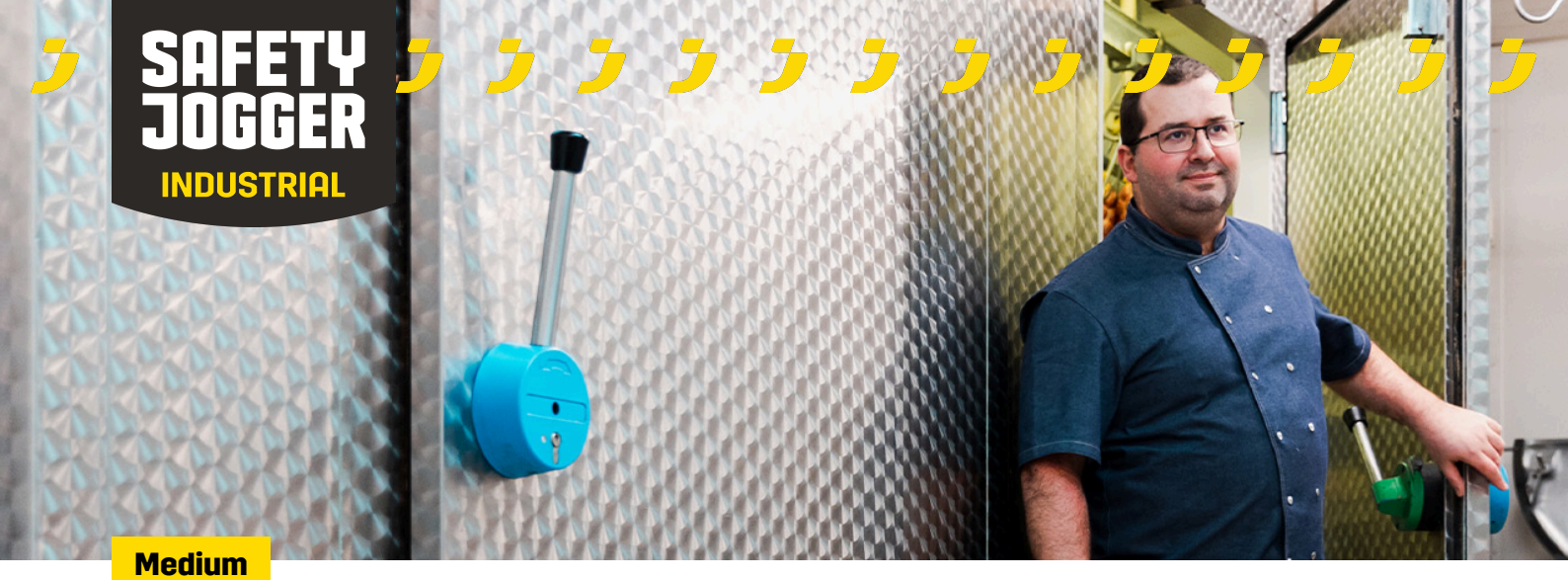

Medium

X0600 S3

X0600S3

Giày bảo h ộ **S3 dành cho ngành công** n ghiệ p thự c phẩm

Giày bảo h ộ S3 ch ố n g thấm iữa bằng đế g mũi và đế g thép, phần trên đế giúp tê sinh và mang ở ở ớn g cho ngành công n ghiệ p thự c phẩm .

Những vật liệu cao cấp hơn	Da Nappa Action, Lorica
lót bên trong	Cambrella
trong Đ ệm chân SJ	Memory Foam
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.570 kg
ẩn hiệu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CO_2 10.17 kg



BLK



Mũi giày an toàn bằng **thép**

Giá đỡ bằng kiểu chân ắ lăn i chắc chắn bằng vật liệu hoặc iữa bằng thép chống



iữa bằng đế g **thép**

Đâm thủng được làm bằng thép khô thép phủ và ngăn các xâm nhập từ đế ngoài.



(SR)

Chống t dây SR AIS RE HSC: SR có nghĩa là phép thử rước được thực hiện điện xà phòng và dầ



S nhiên

Chống dầu ế ngoài có khả năng và nhiên dầu.



HACCP

HACCP là một hệ thống thử nghiệm dựa trên phân tích các thực phẩm có thể dẫn đến bệnh tiêu dùng các HACCP, được phát cho ngành công nghiệp thực phẩm, được làm bằng vật liệu có thể g



mũi chống **mài mòn (SC)**

Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn.

Công nghiệp n:

Thự cụ phẩm & lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố ạch g, Xây dựcần g, Ngành công n ghiệ p

Môi t

môi khô, môi ề mặt không bằn g phẳn g

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẩm cách ù hầm nhiệ gặng ph ờs Không trên lò

K

Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ơn vị đo l ả u	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu cao cấp h ơn **Da Nappa Action, Lorica**			
Top: khả năng thấm ớ h ơ	? 0.8	1.8	iờ mg/cm/g
Top: h nệ số h ơ	? 15	16	mg/cm2
ót bên trong **Cambrella**			
L ớp lót: thấm ớ h ơ	? 2	25.39	iờ mg/cm/g
lót: h nệ số h ơ	? 20	204	mg/cm2
rong Đ ệ m chân **SJ Memory Foam**			
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ **PU / PU**			
Ch ố n g mài mòn (ngoài (	? 150	137	mm
Chư ố ợt c ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ớ phía t	? 0.31	0.45	ma sát
rư Cợt cố ợt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ớ phía t	? 0.36	0.47	ma sát
rư Cợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.28	ma sát
Chư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ớ phía t	? 0.22	0.26	ma sát
rị ch ố n t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	33.6	megaohm
rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
Hấp thụ năng l ư ợt chân ủ	? 20	30	J
Đ ứ n g đầ **Thép**			
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15	mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	20.5	mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi khuyên có thể thay nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của

hân sinh thái:

Đ ứ

Sự miêu t ả	ế t ơn vị đo l ả u	Đ ờn g q
i CO2 phát thả		
V ật l iệu	7.89	kg
Bao bì	0.12	kg
ất Sản x u	1.90	kg
Chuyên ch ở	0.26	kg
	10.17 kg CO2/ cặp	

Sự miêu t ả	ế t K ả u	q
ệ vật l Tiệ ỷ tái ch ế		
Product	5%	
Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán môi trường phân tích CO2 là giả ay đổi.